TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2019/DS-ST
Ngày: 19-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2019/TLST-DS, ngày 11-3-2019 tranh chấp dân sự về "*hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp Phú Đ, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang.(có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Mai Thị N, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ cư trú: ấp Hưng T, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Trần Thị H trình bày: Nguyên trước đây do quen biết qua lại với nhau trong làm ăn nên bà Hcó cho bà Mai Thị N vay số tiền là 200.000.000 đồng và có tham gia nhiều dây hụi dùm cho bà N nhưng sau đó các bên kết sổ lại, lấy tiền hụi hốt được từ các dây hụi chơi dùm cho bà N trừ vào số tiền vốn bà Nvay, còn nợ lại số tiền vốn vay phía bà N thiếu là 168.000.000đồng. Sau đó bà N, ông T có trả cho bà được số tiền vốn và còn nợ lại số tiền vốn vay 124.000.000đ, có làm tờ giấy biên nhận vay đề ngày 24-10-2018 do ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị N cùng ký ghi họ tên; hứa trả từ từ cho đến hết số tiền vốn vay này, nhưng thời gian sau đó bà N, ông T hứa mà không trả.

Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị N trả ngay số tiền vốn vay 124.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Tại bảng tự khai và biên bản hòa giải ngày 15-3-2019 bị đơn bà Mai Thị N trình bày: Nguyên trước đây vợ chồng bà có vay tiền của bà H nhiều lần và nhờ bà H

tham gia các dây hụi dùm, sau đó các bên kết toán và trừ vào số tiền hụi mà bà H chơi dùm, còn nợ lại số tiền vốn vay là 168.000.000 đồng, sau đó vợ chồng có trả cho bà H một số tiền vốn và còn nợ lại số tiền vốn vay 124.000.000 đồng; vợ chồng có làm giấy biên nhận nợ đề ngày 24-10-2018 và cùng ký tên, hứa sẽ trả từ từ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả nợ ngay cho bà H mà hứa sẽ trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt số tiền vốn vay. Riêng chồng bà (ông T hiện đang làm thuê ở xa nhà không xin phép về được nên không thể tham gia cùng với bà khi Tòa án triệu tập.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt: không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị N trả tiền vốn vay, được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

{1.2} Giao dịch dân sự giữa các bên phát sinh vào thời điểm năm 2018, vì vậy đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

{1.3} Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị N được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T và bà N không có mặt tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị N.

{2} Về nội dung vụ án:

Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Lời khai của nguyên đơn bà H và lời khai của bà N thống nhất việc xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản với nhau; bà N xác nhận vợ chồng bà có vay tiền vốn của bà H nhiều lần và nhờ bà H tham gia các dây hụi dùm, sau đó các bên kết toán và trừ vào số tiền hụi mà bà H chơi dùm, còn nợ lại số tiền vốn là 168.000.000 đồng, sau đó vợ chồng có trả cho bà H một số tiền vốn và còn nợ lại số tiền vốn 124.000.000 đồng; vợ chồng có làm giấy biên nhận nợ đề ngày 24-10-2018 và cùng ký tên, hứa sẽ trả từ từ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả nợ ngay cho bà H mà hứa sẽ trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt số tiền vốn vay. Xét, các bên khai thống nhất với nhau số tiền vốn còn nợ, còn phương thức thanh toán thì phía bà N yêu cầu trả mỗi tháng 1.500.000 đồng nhưng bà H không đồng ý nên không thỏa thuận được cần buộc ông T, bà N trả ngay cho bà H số tiền vốn vay theo quy định. Riêng ông T là chồng của bà N do từ khi thụ lý cho đến xét xử đều vắng mặt nhưng bà N là vợ của ông T thừa nhận ông bà có

cùng ký tên trong giấy biên nhận nợ đề ngày 24-10-2018 nợ số tiền vay là 124.000.000 đồng nên cần buộc bà N và ông T cùng liên tới chịu trách nhiệm trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà N và ông T trả số tiền vốn vay là 124.000.000 đồng.

{3}Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí. Vì vậy bà N và ông T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 và 463; Điều 466 Bộ luật dân sự ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị N cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền vốn vay 124.000.000đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị N cùng chịu án phí 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.100.000đ theo biên lai thu số 0005552, ngày 11-03-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị N được quyền kháng cáo kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- CCTHADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thành Thuận